

Số: 64 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Hành động thực hiện cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)
thành phố Cần Thơ năm 2025

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trước khi thực hiện sáp nhập thành phố Cần Thơ, năm 2024 điểm số của 03 tỉnh, thành phố như sau: Cần Thơ điểm tổng hợp là 70.01 điểm, xếp hạng 11; Hậu Giang điểm tổng hợp là 70,54 điểm, xếp hạng 7; Sóc Trăng điểm tổng hợp là 64,5¹ điểm, không xếp hạng. Trong 03 năm gần nhất (2022 - 2024) điểm số tổng hợp của ba địa phương có xu hướng tăng, điểm tăng cũng đang được duy trì ổn định không có biến động quá cao việc này cho thấy quá trình thay đổi mang tính ổn định. Các chỉ số thành phần có lúc tăng có lúc giảm, không có sự thay đổi đột biến tăng điểm quá cao hay giảm điểm quá sâu.

Các chỉ số thành phần có năm tăng nhưng có năm giảm, năm trước có thể là tăng điểm nhưng năm sau có thể giảm điểm, hiện tượng thay đổi điểm tăng/giảm xảy ra ở hầu như tất cả các tỉnh/thành phố, việc tăng/giảm điểm có nhiều nguyên nhân do khách quan hay chủ quan, nhận định chung trong đó:

a) Nguyên nhân chủ quan: Sự thay đổi trong công tác phục vụ người dân và doanh nghiệp của thành phố mặc dù có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, vấn đề này cần phải có thời gian và sự đồng bộ từ nhiều cấp, nhiều ngành;

b) Nguyên nhân khách quan: Trong khảo sát điều tra vẫn có xác suất sai số, sai số chọn mẫu vào những doanh nghiệp chưa tiếp cận được với sự thay đổi của thành phố; những thay đổi tích cực của chính quyền thành phố trong phục vụ người dân, doanh nghiệp cần phải có thời gian để lan tỏa đến người dân, doanh nghiệp nhưng do khảo sát thực hiện liên tục mỗi năm 1 lần, thời gian thực hiện khảo sát ngắn, số quan sát của mẫu khảo sát nhỏ² nên luôn có độ trễ giữa thực tế thay đổi và kết quả đánh giá của doanh nghiệp, sự khác nhau của quy mô phục vụ³ cũng mang lại sự khác biệt trong kết quả đánh giá của doanh nghiệp.

¹ VCCI chỉ công bố điểm của 30 tỉnh/thành phố có xếp hạng từ 01 đến 30, nên Sóc Trăng không được công bố điểm cụ thể, điểm số này ước lượng dựa trên công thức tính và trọng số do VCCI công bố

² Theo Báo cáo PCI năm 2024: VCCI thực hiện khảo sát cả nước với 47.162 doanh nghiệp được gửi yêu cầu khảo sát, trung bình 749 doanh nghiệp/tỉnh, kết quả nhận phản hồi 8.566 doanh nghiệp, trung bình 136 doanh nghiệp/tỉnh

³ Diễn hình là đối với những tỉnh/thành phố có số lượng doanh nghiệp/người dân đến giao dịch và thực hiện thủ tục nhiều sẽ có sự khác biệt với những tỉnh/thành phố có số lượng doanh nghiệp/người dân đến giao dịch ít hơn

Tuy nhiên, kết quả PCI cũng là một kênh thông tin để, chính quyền thành phố đề ra những giải pháp, chính sách để hoàn thiện và nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Để tiếp tục cải thiện ổn định môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện điểm số PCI cho năm 2025 của thành phố, UBND⁴ thành phố Cần Thơ ban hành kế hoạch hành động với những nội dung chính như sau:

II. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch và thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư, kinh doanh tại thành phố Cần Thơ; cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh của thành phố, phấn đấu điểm tổng hợp PCI hàng năm tăng từ 01 đến 02 điểm, cải thiện vị trí xếp hạng PCI và đạt kết quả xếp hạng trong “Nhóm địa phương có chất lượng điều hành tốt”, duy trì những chỉ số thành phần có vị trí cao, tăng bậc và cải thiện các chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng thấp, điểm thấp trong bảng xếp hạng PCI hàng năm.

2. Yêu cầu

Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố và Chủ tịch UBND xã, phường đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện PCI, đặc biệt nghiên cứu nắm vững nội dung các Chỉ số thành phần PCI, chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Việc đề ra giải pháp bảo đảm thiết thực, tích cực, kịp thời và hiệu quả; xác định rõ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh thuộc lĩnh vực quản lý phù hợp với tình hình thực tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại đơn vị phụ trách, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của thành phố.

III. NHIỆM VỤ

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

như thời gian chờ phải lâu hơn, áp lực công việc của công chức sẽ nhiều hơn... tương tự như nội dung phân tích của chỉ số gia nhập thị trường

⁴ Ủy ban nhân dân

2. Tiếp tục quán triệt nhận thức cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và sự năng động, sáng tạo của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.

3. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện việc cải thiện điểm số và thứ hạng từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về các Chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

IV. GIẢI PHÁP

1. Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tiếp tục triển khai giải pháp thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đầu tư so với quy định;

- Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đầu tư; hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trực tuyến;

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục sau đăng ký thành lập doanh nghiệp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Đề nghị Thuế thành phố Cần Thơ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp về thủ tục liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử, kê khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, sau khi người nộp thuế được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Sở, ban ngành thành phố và UBND xã, phường thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện niêm yết các bộ thủ tục hành chính, công khai mức phí, lệ phí tại Trung tâm Phục vụ hành chính công nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận và thực hiện;

- Giải quyết thủ tục cấp phép đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo hướng rút ngắn thời gian, giảm bớt phiền hà cho người dân, doanh nghiệp như các thủ tục cấp: giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép xây dựng; đủ điều kiện về an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho lao động nước ngoài, đánh giá tác động môi trường, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu, khí; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải.

2. Chỉ số Tiếp cận đất đai

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã, phường triển khai thực hiện:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất các giải pháp, quy trình nhằm duy trì, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp không quá 15 ngày. Giám sát việc chấp hành pháp luật, quy trình kiểm tra, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, môi trường và thực hiện việc thanh, kiểm tra tại doanh nghiệp;

- Khẩn trương xây dựng Cổng thông tin dữ liệu đất đai trên nền bản đồ số. Kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu về đất đai; cập nhật, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm để giới thiệu, thu hút đầu tư;

- Chủ động nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực đất đai; rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi đất các dự án không triển khai theo đúng quy định của pháp luật;

b) Sở Công Thương phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan kêu gọi nhà đầu tư triển khai xây dựng đầu tư kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố;

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các cuộc họp Hội đồng Thẩm định giá đất thành phố khi có phát sinh hồ sơ liên quan đến việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với các tổ chức trên địa bàn thành phố theo đúng quy định;

d) Thuế thành phố Cần Thơ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hướng dẫn và hỗ trợ người nộp thuế nhanh chóng thực hiện việc kê khai nộp thuế tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

đ) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố;

e) UBND xã, phường thực hiện rà soát quỹ đất công đang sử dụng chưa đúng mục đích hoặc không đạt hiệu quả để xây dựng phương án thu hồi và kêu gọi đầu tư, phối hợp thực hiện tốt công tác thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật.

3. Chỉ số Tính minh bạch

a) Cơ quan, ban ngành thành phố, UBND xã, phường triển khai thực hiện:

- Kịp thời công khai và công bố thông tin về các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, danh mục dự án kêu gọi đầu tư; cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; các thông tin về chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử thành phố và tại sở, ban ngành thành phố, UBND xã, phường để doanh nghiệp biết, phục vụ cho định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Thực hiện nghiêm việc lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc kịp thời cung cấp thông tin, trả lời, giải quyết về kiến nghị của doanh nghiệp và người dân;

- Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, công tác phòng, chống tham nhũng; công khai minh bạch trong chỉ đạo điều hành;

b) Văn phòng UBND thành phố tiếp tục hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức và khả năng tương tác của Cổng Thông tin điện tử thành phố. Kịp thời cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật, các văn bản điều hành, các chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ về đầu tư của thành phố;

c) Đề nghị các Hiệp Hội doanh nghiệp tiếp tục phát huy vai trò “cầu nối” giữa doanh nghiệp với chính quyền, tích cực tham gia phản biện chính sách của nhà nước để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh;

d) Đề nghị Thuế thành phố Cần Thơ giám sát việc chấp hành pháp luật, quy trình kiểm tra, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức ngành thuế trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

4. Chỉ số Chi phí thời gian

a) Cơ quan, ban ngành thành phố, UBND xã, phường thực hiện:

- Văn hóa công sở góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, rèn luyện, nâng cao kỹ năng giải quyết công việc, khuyến khích tự học hỏi kiến thức, rèn luyện kỹ năng;

- Tăng cường tuyên truyền và đẩy nhanh tiến độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình song song với việc đẩy mạnh dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý điều hành;

- Khuyến khích đề xuất, thực hiện các mô hình, cách làm hay trong cải cách hành chính, tránh hình thức và chạy theo thành tích, tiếp tục thực hiện công tác đối thoại và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất;

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách thủ tục hành chính và phục vụ hành chính công thông qua việc công khai thông tin kịp thời, đầy đủ, rõ ràng các quy định, thủ tục hành chính (quy trình, các mẫu biểu,...), mức phí, lệ phí (nếu có) và thời gian giải quyết thủ tục, hướng dẫn, giải quyết thủ tục hành chính;

- Phối hợp với Bưu điện thành phố đẩy mạnh việc triển khai tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích tạo thuận lợi, nhanh chóng cho tổ chức, cá nhân;

b) Văn phòng UBND thành phố chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, cơ quan liên quan và UBND xã, phường thực hiện:

- Tham mưu UBND thành phố tiếp tục rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, thủ tục

hành chính không còn phù hợp, gây phiền hà, làm lãng phí thời gian và tăng chi phí của doanh nghiệp;

- Kiểm tra việc hướng dẫn, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc;

c) Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung phối hợp về thanh tra, kiểm tra theo Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của UBND thành phố, đặc biệt là nội dung xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị đảm bảo không trùng lặp về nội dung; mỗi doanh nghiệp chỉ thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần trong năm; công khai, minh bạch kế hoạch thanh tra, kiểm tra (trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất);

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

- Tham mưu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc trong thực thi nhiệm vụ;

- Tăng cường giám sát và kiểm tra việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan và UBND xã, phường chỉ đạo, cung cấp thông tin đến cơ quan báo đài, hệ thống truyền thanh cơ sở tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp khi thực hiện.

5. Chỉ số Chi phí không chính thức

a) Cơ quan, ban ngành thành phố và UBND xã, phường đôn đốc nhắc nhở, thực hiện các nội dung chính sau:

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách, hạn chế sự chùng chể, dùn dẩy, tạo cơ hội hình thành các tiêu cực, nhũng nhiễu;

- Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao gây khó khăn cho doanh nghiệp, chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực: đăng ký kinh doanh, đất đai, môi trường, hải quan, cấp phép kinh doanh có điều kiện, thuế, xây dựng, quản lý thị trường, phòng cháy chữa cháy...

- Rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Kịp thời thay thế, điều chuyển không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ, đảng viên, người đứng đầu không đáp ứng nhiệm vụ, năng lực yếu, không chấp hành nghiêm sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên, có biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu, dùn dẩy, sợ trách nhiệm; phát hiện công chức, viên chức cố tình

“mượn danh” hoặc truyền đạt sai lệch, không đầy đủ ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm xử lý theo quy định;

- Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, văn hóa công sở, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật, công khai đầy đủ thông tin trên các Trang thông tin điện tử sở, ban, ngành thành phố và UBND xã, phường;

b) Đề nghị Thuế thành phố Cần Thơ: Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác thanh tra, kiểm tra thuế để giảm tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ, công chức, viên chức thanh, kiểm tra thuế;

c) Sở Xây dựng, UBND xã, phường thực hiện giám sát công tác kiểm tra lĩnh vực xây dựng để giảm tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra về lĩnh vực xây dựng;

d) Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố: Rà soát, thiết lập, duy trì đường dây nóng một cách thực chất, hiệu quả để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và các quy định pháp luật liên quan; chỉ đạo tiếp nhận, xử lý ngay các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp về việc phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

a) Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế thành phố Cần Thơ và cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu UBND thành phố thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, cơ chế chính sách, thủ tục hành chính về đất đai, tín dụng, khai thác tài nguyên, thuế, ưu đãi đầu tư... nhằm tạo môi trường cạnh tranh công bằng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế không phân biệt doanh nghiệp lớn hay doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp tư nhân hay doanh nghiệp nhà nước;

b) Sở, ban ngành thành phố, UBND xã, phường thực hiện kiểm soát chặt chẽ hoạt động thực thi công vụ không để xảy ra tình trạng sử dụng “mối quan hệ” gây bất bình đẳng giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân;

c) Sở Tài chính phối hợp các sở, ngành thành phố có liên quan tham mưu thực hiện có hiệu quả việc đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho các thành phần kinh tế cạnh tranh lành mạnh, công bằng;

d) Sở Nội vụ, Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao tiếp tục rà soát, tham mưu UBND thành phố sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối theo đúng chủ trương và quy định pháp luật giúp hoạt động hiệu quả hơn; đồng thời, cũng tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia hoạt động, tạo tính cạnh tranh công bằng giữa khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân.

7. Chỉ số Tính năng động

a) Sở, ban ngành thành phố, UBND xã, phường thực hiện:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố về thực hiện chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giai đoạn 2023 - 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm. Phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp;

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tháo gỡ khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước và chỉ đạo của UBND thành phố; đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ thành phố đến cơ sở;

- Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp trong việc giải quyết các yêu cầu, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp;

- Đồng hành cùng doanh nghiệp, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh giao tiếp nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.

b) Viện Kinh tế - Xã hội thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban ngành thành phố, địa phương (DDCI) hằng năm nhằm tạo sự cạnh tranh, nâng cao năng lực điều hành giữa sở, ban ngành thành phố và UBND xã, phường.

8. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

a) Sở, ban ngành thành phố, UBND xã, phường thực hiện: Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025;

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của UBND thành phố thực hiện Chương trình số 24-CTr/TU ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thành ủy Cần Thơ về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tài năng trẻ giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025

của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của thành phố;

- Tiếp tục phát huy vai trò của Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; triển khai thực hiện có hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham mưu xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin, hướng dẫn thực thi, phối hợp nắm bắt tình hình và tham mưu tháo gỡ vướng mắc, hướng dẫn thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA);

- Tiếp tục xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp, logistics trên địa bàn thành phố;

- Tăng cường hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường; đẩy mạnh kết nối cung cầu để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ hàng hóa của thành phố;

- Triển khai các chương trình, đề án khuyến công hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng sức cạnh tranh sản phẩm;

- Tăng cường các hoạt động quản lý thị trường, chống gian lận thương mại và buôn lậu giúp các doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh.

d) Sở Tư pháp tăng cường chỉ đạo hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng; tham mưu Đề án thành lập Khu Công nghệ cao Cần Thơ và Đề án thành lập Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ;

e) Quỹ Bảo lãnh doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố đánh giá, xây dựng lại trình tự, thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp theo hướng đơn giản, dễ thực hiện nhưng vẫn đảm bảo các quy định về cấp bảo lãnh tín dụng.

9. Chỉ số đào tạo lao động

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, UBND xã, phường thực hiện:

- Thường xuyên rà soát nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Trên cơ sở đó, tổng hợp, cung cấp thông tin việc làm cần tuyển dụng đến người lao động bằng nhiều hình thức, trong đó chú trọng lao động ở nông thôn, học sinh, sinh viên, quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số..., để người lao động tiếp cận được thông tin và tìm có việc làm;

- Chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, địa phương và doanh nghiệp tuyển dụng thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm bằng nhiều hình thức, chú trọng các hoạt động giao dịch việc làm trực tuyến kết nối với các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước. Qua đó, góp phần giúp người lao động tìm việc làm và doanh nghiệp tuyển dụng nguồn lao động chất lượng. Tiếp tục tham mưu nâng chất lượng các trung tâm dịch vụ việc làm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong tiếp cận việc làm;

- Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh, tăng cường kết nối cung - cầu lao động trên nền tảng trực tuyến phục vụ công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động. Duy trì thường xuyên các hoạt động giao dịch việc làm để đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp, góp phần giải quyết vấn đề thiếu lao động và việc làm cho người lao động;

- Tập trung triển khai và tổ chức thực hiện cải thiện tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề và tỷ lệ lao động qua đào tạo.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tập trung triển khai và tổ chức thực hiện chỉ tiêu về tuyển sinh đào tạo nghề;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp sâu rộng trong xã hội để tuyển sinh hàng năm đạt chỉ tiêu đã đề ra;

- Đẩy mạnh việc phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; đa dạng hóa các phương thức, hình thức đào tạo đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; đồng thời, tập trung đào tạo nghề và phát triển các kỹ năng nhằm hỗ trợ cho các ngành nghề tại các địa phương và giúp người lao động tìm kiếm việc làm; trang bị cho người học kiến thức về các kỹ năng mềm như: sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp..., giúp cho đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo cải tiến được phương pháp làm việc, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành;

- Tiếp tục tham mưu nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là các trường cao đẳng chất lượng cao, trường trọng điểm. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố; phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong việc định

hướng nghề nghiệp ở bậc phổ thông.

10. Chỉ số thiết chế pháp lý

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với sở, ban ngành thành phố có liên quan và UBND xã, phường thực hiện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật của nhà nước cho cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời, tạo điều kiện cho các Đoàn Luật sư, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; khuyến khích các đoàn thể, Hiệp hội, tổ chức tham gia và đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

b) Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật. Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ trong hoạt động xét xử;

c) Thanh tra thành phố tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi những nhiều cán bộ, công chức, viên chức, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc gây khó khăn và thiệt hại cho doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật hiện hành;

d) Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ tổ chức công tác thi hành án có hiệu quả đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ưu tiên nguồn lực cho việc tổ chức thi hành án liên quan đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư;

đ) Công an thành phố tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trên địa bàn; tạo môi trường an ninh, lành mạnh; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố và Chủ tịch UBND xã, phường căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể để cải thiện các Chỉ số thành phần theo nhiệm vụ được phân công; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố về việc kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này; đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trước ngày 30 tháng 4 năm 2026, gửi về Sở Tài chính tổng hợp.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã, phường tổ chức triển khai và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này. Căn cứ trên báo cáo kết quả khảo sát PCI hàng năm do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố và báo cáo của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động phối hợp với Viện Kinh tế - Xã hội thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo phân tích, đánh giá kết quả PCI hàng năm và đề xuất, giải pháp thực hiện thời gian tới, báo cáo UBND thành phố sau khi có kết quả chỉ số PCI của năm 2026.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền Kế hoạch này sâu rộng đến các cấp, các ngành và đến xã, phường và Nhân dân, doanh nghiệp.

4. Sở Nội vụ phối hợp Viện Kinh tế - Xã hội thành phố thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

5. Hiệp Hội doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hiệp Hội du lịch, Hội nữ doanh nhân thành phố tổng hợp các kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp, gửi về Sở Tài chính tham mưu xử lý theo thẩm quyền. Định kỳ hàng tháng và hàng quý Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố xem xét chỉ đạo.

6. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố về hành động thực hiện cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thành phố Cần Thơ năm 2024 và những năm tiếp theo.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện cách làm hay, hiệu quả hoặc có phát sinh khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị gửi về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thành phố Cần Thơ năm 2025./. *u*

(Đính kèm các Phụ lục I, II)

Nơi nhận:

- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- UBND TP;
- UBND thành phố (1);
- Sở, ban ngành TP;
- Cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN - Chi nhánh Cần Thơ;
- Các Hội, Hiệp hội trên địa bàn TP;
- Báo và Phát thanh-TH TPCT;
- UBND xã, phường;
- Quỹ BLTD cho DNNVV;
- VP UBND TP (2,3,4,6,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, VTr *u*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lâu



Phụ lục I

Bảng chỉ tiêu thành phần của chỉ số PCI và phân công theo dõi, triển khai các giải pháp cải thiện điểm số

(Kèm theo Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chỉ số thành phần PCI	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp
	CSTP 1: Gia nhập thị trường		
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày	Sở Tài chính	
2	Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	Sở Tài chính	
3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày	Sở Tài chính	
4	Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở Trung tâm Hành chính công hoặc qua bưu điện	Sở Tài chính	
5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; Thuế thành phố Cần Thơ; Bảo hiểm xã hội khu vực III

10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ	Sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	
11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	
12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định	Sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	
13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định	Sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	
14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật	Sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	
15	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	
16	Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	
17	Tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện	Sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	

18	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Sở ban ngành, UBND xã, phường	
19	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Sở ban ngành, UBND xã, phường	
	<i>CSTP 2: Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất</i>		
20	Số ngày chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
21	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
22	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
23	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
24	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
25	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
26	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
27	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	

28	Doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
29	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
30	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
31	Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
32	Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
33	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường;	
	<i>CSTP 3: Tỉnh Minh bạch</i>		
34	Tiếp cận tài liệu quy hoạch	Sở ban ngành, UBND xã, phường	
35	Tiếp cận tài liệu pháp lý	Sở ban ngành, UBND xã, phường	
36	Minh bạch trong đấu thầu	Sở ban ngành, UBND xã, phường	
37	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
38	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	

39	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích	Văn phòng UBND thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và HCTL
40	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích	Văn phòng UBND thành phố	Các sở ban ngành, UBND xã, phường
41	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích	Văn phòng UBND thành phố	
42	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích	Văn phòng UBND thành phố	Sở Tư pháp
43	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
44	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh	Thuế thành phố Cần Thơ	
45	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp	Thuế thành phố Cần Thơ	
46	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng	Sở Công Thương	Hiệp hội doanh nghiệp thành phố
47	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
48	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
49	Chất lượng website của thành phố	Văn phòng UBND thành phố	
50	Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên truy cập vào website của UBND thành phố	Văn phòng UBND thành phố	

	CSTP 4: Chi phí thời gian		
51	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
52	Cán bộ nhà nước thân thiện	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
53	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
54	Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
55	Thủ tục giấy tờ đơn giản	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
56	Phí, lệ phí được công khai	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
57	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
58	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
59	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho doanh nghiệp	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
60	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
61	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp	Thanh tra thành phố	Các sở ban ngành, UBND xã, phường
62	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	Thanh tra thành phố	Các sở ban ngành, UBND xã, phường
63	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp	Thanh tra thành phố	Các sở ban ngành, UBND xã, phường

64	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc	Thuế thành phố Cần Thơ	
	<i>CSTP 5: Chi phí không chính thức</i>		
65	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
66	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
67	Hiện tượng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
68	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
69	Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
70	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN	Sở Tài chính	
71	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện	Các sở ban ngành, UBND xã, phường có thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	
72	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy	Công an thành phố	
73	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND xã, phường;	
74	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường	Sở Công Thương	
75	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế	Thuế thành phố Cần Thơ	
76	Tỷ lệ doanh nghiệp trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	Sở Xây dựng, UBND xã, phường	

77	Doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
78	Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
79	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
80	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	Tòa án nhân dân 14 khu vực thuộc Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ
CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng			
81	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
82	Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
83	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
84	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
85	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
86	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
87	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
88	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	

89	Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
90	Việc tinh ưu ái cho doanh nghiệp lớn (cả doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
91	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh"	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
	<i>CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền</i>		
92	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
93	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: "trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì"	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
94	Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
95	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
96	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
97	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
98	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
99	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
100	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	

	<i>CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</i>		
101	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ thực hiện	Quỹ Bảo lãnh tín dụng Doanh nghiệp nhỏ và vừa	
102	Thủ tục dễ được cơ quan Nhà nước hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện	Các sở ngành thành phố	
103	Thủ tục dễ được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp là dễ thực hiện	Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp	
104	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của cơ quan Nhà nước để thực hiện	Sở Tư pháp	
105	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của cơ quan Nhà nước để thực hiện	Sở Công Thương	
106	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện	Sở Tài chính	
107	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực	Sở Nội vụ	
108	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các cơ quan Nhà nước địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp	Sở Công Thương	
109	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được cơ quan Nhà nước địa phương giải đáp hiệu quả	Sở Công Thương	
110	Tỷ lệ doanh nghiệp có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	Sở Công Thương	
111	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi	Sở Công Thương	

112	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp	-	
113	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ	-	
	CSTP 9: Đào tạo lao động		
114	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng	Sở Nội vụ	
115	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng	Sở Nội vụ	
116	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng	Sở Nội vụ	
117	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh	Sở Nội vụ	
118	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh	Sở Nội vụ	
119	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt	Sở Nội vụ	
120	Tỷ lệ lao động tại doanh nghiệp đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở Nội vụ	
121	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo	Sở Nội vụ	
122	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp	Sở Nội vụ	
123	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt	Sở Giáo dục và Đào tạo	
124	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự		
125	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ Nhà nước	Thanh tra thành phố	
126	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
127	Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	

128	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm	Các sở ban ngành, UBND xã, phường	
129	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
130	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
131	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
132	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp	Các cơ quan quản lý nhà nước	
133	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
134	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
135	Phán quyết của toà án là công bằng	Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ	
136	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp	Các chỉ số này lấy dữ liệu từ Tòa án nhân dân tối cao	
137	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh		
138	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết		
139	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt	Công an thành phố	
140	Tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua	Công an thành phố	
141	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của doanh nghiệp hiệu quả	Công an thành phố	
142	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn	Công an thành phố	



Phụ lục II

Các chỉ tiêu số liệu cần theo dõi và báo cáo cuối năm dựa trên các chỉ tiêu PCI

(Kèm theo Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên chỉ tiêu	Thời gian theo quy định/Mục tiêu được giao/Mục tiêu đề xuất/Số lượt tiếp nhận	Thời gian thực hiện trung bình/Kết quả thực hiện mục tiêu/Số lượt giải quyết	Số lượng thủ tục/số lượt/số lần.... đã thực hiện/tỷ lệ giải quyết	Ghi chú
1	Công an thành phố				
1.1	Tỷ lệ giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự				
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp bị trộm, cắp hoặc đột nhập				
1.3	Tỷ lệ giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự tại doanh nghiệp				
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn				

2	Sở Tài chính			
2.1	Thời gian đăng ký mới doanh nghiệp			
2.2	Thời gian đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp			
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên			
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký mới hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp qua mạng			
2.5	Số lượng các khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp			
2.6	Số lượt doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp			
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường			
3.1	Thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp			

3.2	Số lượt cung cấp thông tin về đất đai cho doanh nghiệp				
3.3	Thời gian cung cấp thông tin về đất đai cho doanh nghiệp				
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tổng số hồ sơ đề nghị được cấp giấy				
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố				
4.1	Số lượt tin/bài/thông tin về ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố				
4.2	Số lượt tin/bài/thông tin về các quy định về thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố				
4.3	Số lượt tin/bài/thông tin về các quy định về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo thành phố được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố				
4.4	Số lượt tin/bài/thông tin về các văn bản pháp luật của thành phố được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố.				

5	Quy Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Cần Thơ				
5.1	Số lượt cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa				
6	Sở Tư pháp				
6.1	Số lượt tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp				
7	Sở Công Thương				
7.1	Số lượt/hội nghị/hội thảo cung cấp thông tin liên quan đến các FTAs cho doanh nghiệp				
8	Sở Nội vụ				
8.1	Số lượng lao động được tuyển dụng do Trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu				